

Cần những quy định pháp lý cho tập đoàn tài chính ngân hàng tại Việt Nam

ThS. NGUYỄN KIÊN BÍCH TUYỀN



Hiện nay, tại Việt Nam đã xuất hiện nhiều tập đoàn kinh tế. Trong số đó, có những tập đoàn được thành lập trên cơ sở quyết định của Chính phủ và có những tập đoàn do tư nhân thành lập. Bên cạnh đó, thời gian gần đây chúng ta lại nghe nói nhiều đến sự ra đời của các tập đoàn tài chính ngân hàng. Theo số liệu báo cáo tại kỳ họp Quốc hội vừa qua, tính đến ngày 31/12/2007, có 13 tập đoàn, tổng công ty đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư tài chính với tổng giá trị 1.061 tỷ đồng; 19 tập đoàn, tổng công ty góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần với tổng giá trị đầu tư 4.426 tỷ đồng; 13 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước góp vốn thành lập 15 công ty chứng khoán với tổng giá trị đầu tư 420 tỷ đồng; và 18 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước góp vốn đầu tư vào lĩnh vực bất động sản với tổng giá trị đầu tư 1.463 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư vào 3 lĩnh vực trên là 7.370 tỷ đồng [11]. Riêng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) xác định sau 2010 sẽ chuyển dần hoạt động

sang mô hình tập đoàn tài chính ngân hàng kinh doanh đa lĩnh vực với 3 lĩnh vực chính là kinh doanh ngân hàng, kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bảo hiểm. Như vậy, số lượng tập đoàn kinh tế nói chung đã nhiều và đã mạnh mẽ xuất hiện nhiều tập đoàn tài chính ngân hàng nói riêng tại Việt Nam. Tuy nhiên, xét trên góc độ pháp lý, dường như Việt Nam chưa có đủ các quy định điều chỉnh hoạt động của các tập đoàn này.

Có quan điểm cho rằng tập đoàn tài chính ngân hàng không cần có những quy định riêng, chỉ cần lấy những quy định của luật doanh nghiệp về tập đoàn kinh tế ra áp dụng là đủ. Tuy vậy, Luật doanh nghiệp 2005 chỉ có Điều 149 quy định về tập đoàn kinh tế một cách chung chung và đề cập rằng Chính phủ quy định hướng dẫn tiêu chí, tổ chức quản lý và hoạt động của tập đoàn kinh tế. Nghị định số 139/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 5-9-2007 về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp cũng không quy định về tập đoàn tài chính ngân hàng mà

chỉ có một điều (Điều 26) hướng dẫn bổ sung về tập đoàn kinh tế. Nội dung Điều 26 này chỉ đề cập sơ qua một số vấn đề như: cơ sở hình thành tập đoàn, tư cách pháp nhân, đăng ký kinh doanh và loại hình công ty mẹ.

Nói chung, có rất ít quy định pháp luật dành cho tập đoàn kinh tế và nội dung còn sơ lược. Quy định riêng dành cho tập đoàn tài chính ngân hàng lại càng chưa có. Trong khi lĩnh vực tài chính tín dụng ngân hàng là một lĩnh vực hết sức đặc thù và mang tính chuyên ngành. Luật các Tổ chức tín dụng hiện hành cũng không có quy định nào cho các tập đoàn tài chính ngân hàng đã và đang mạnh mẽ xuất hiện tại Việt Nam. Chúng ta hy vọng rằng khi luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi ra đời sẽ đề cập đến vấn đề còn bỏ ngõ này. Tuy nhiên, dự án Luật các Tổ chức tín dụng lần gần nhất có đến 156 điều, nhưng không có điều luật nào dành cho tập đoàn tài chính ngân hàng. Duy chỉ có Điều 4 về giải thích từ ngữ thì có đề cập đến khái niệm “công ty con” của Tổ chức tín dụng, thay thế cho khái niệm



“công ty trực thuộc” trong luật cũ. Bài viết này trao đổi quan điểm của tác giả về sự cần thiết của các quy định pháp lý cụ thể dành cho tập đoàn kinh tế nói chung và tập đoàn tài chính ngân hàng nói riêng. Đặc biệt là các vấn đề liên quan đến khái niệm và nhận diện tập đoàn tài chính ngân hàng, quy định về vốn pháp định, tư cách pháp nhân và mô hình hoạt động.

Khái niệm và nhận diện tập đoàn tài chính ngân hàng

Cho đến nay, tại Việt Nam chưa có khái niệm về tập đoàn tài chính ngân hàng. Trên thế giới cũng không có khái niệm này. Khi chúng ta chưa làm rõ được điều này thì việc đưa ra các quy định phù hợp là không khả thi. Trong điều kiện như vậy thì ít ra cũng nên đưa ra được các dấu hiệu để nhận diện nó. Ví dụ, chúng ta có thể căn cứ vào tỷ trọng vốn của tập đoàn đó đầu tư vào lĩnh vực tài chính ngân hàng. Chẳng hạn, khi thấy tập đoàn kinh tế đầu tư tràn lan, để chần chừ Thủ tướng Chính phủ đã làm việc với các tập đoàn và yêu cầu phải tập trung 70%

vốn vào “nhiệm vụ chính”[1]. Từ yêu cầu này, có thể hình dung có 3 dạng tập đoàn mà chúng ta có thể gặp trên thực tế: (i) tập đoàn kinh tế không đầu tư vào lĩnh vực tài chính ngân hàng; (ii) tập đoàn kinh tế có dưới 70% vốn đầu tư vào lĩnh vực tài chính ngân hàng; và (iii) tập đoàn kinh tế có từ 70% vốn đầu tư vào lĩnh vực tài chính ngân hàng. Vậy thì loại nào được gọi là tập đoàn tài chính ngân hàng?

Rõ ràng, loại thứ nhất không thể gọi là tập đoàn tài chính ngân hàng. Đối với loại thứ hai thì nếu tỷ trọng vốn đầu tư của nó vào lĩnh vực tài chính ngân hàng chưa đạt mức 70% nhưng đã chiếm tỷ lệ trên 50% thì nó có được gọi là tập đoàn tài chính ngân hàng không? Theo quan điểm của cá nhân tôi thì loại thứ hai này vẫn không được gọi là tập đoàn tài chính ngân hàng vì ngành nghề chủ lực của tập đoàn tài chính ngân hàng phải được đầu tư ít nhất 70% vốn theo yêu cầu mà Thủ tướng đưa ra.

Quy định về tư cách pháp nhân

Ngày 22-10-2007, Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng đã phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), có vốn điều lệ tính đến thời điểm 1/1/2007 là 49.495 tỷ đồng. Trong điều lệ nói rõ là Tập đoàn EVN có tư cách pháp nhân và thuộc sở hữu Nhà nước [6]. Điều 26 của Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 5-9-2007 về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp quy định “Tập đoàn không có tư cách pháp nhân”. Như vậy, có một sự khác biệt là những tập đoàn được thành lập bởi quyết định của Chính phủ thì có tư cách pháp nhân còn những tập đoàn kinh tế còn lại (hay gọi là tập đoàn kinh tế tư nhân) thì không có tư cách pháp nhân. Trong khi chúng ta đang kêu gọi bình đẳng giữa các thành phần kinh tế thì sự mâu thuẫn giữa các quy định pháp lý đã làm cản trở xu hướng này. Chúng ta nên thống nhất các quy định để tạo mặt bằng chung cho các doanh nghiệp cùng hoạt động và cùng cạnh tranh bình đẳng. Bên cạnh đó, khi đã thống nhất quy định về tư cách pháp nhân thì cơ sở lý luận về vốn pháp định của tập đoàn hay vốn pháp định của từng doanh nghiệp trong tập đoàn sẽ trở nên rõ ràng hơn. Cụ thể là nếu tập đoàn không có tư cách pháp nhân thì chúng ta không cần quy định về vốn pháp định cho tập đoàn nữa, chỉ cần bàn đến vốn pháp định cho từng chủ thể trong tập đoàn.

Quy định về vốn pháp định

Hiện vốn điều lệ của các Tổ chức tín dụng phải đáp ứng quy định về vốn pháp định tại Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 1 năm 2006 của Chính phủ. Ví dụ, tính đến năm 2008 và năm 2010, loại hình ngân hàng thương mại cổ phần cần có vốn pháp định lần lượt là 1.000 và 3.000 tỷ đồng (xem Bảng 1). Gần đây, các đề án thành lập ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận về mặt nguyên tắc đều có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng đến 5.000 tỷ đồng [10]. Các ngân hàng khác đang hoạt động cũng đã đồng loạt tăng mức vốn

Bảng 1: Danh mục mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng

| STT | Loại hình tổ chức tín dụng | Mức vốn pháp định áp dụng cho đến năm | |
|-----------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------|
| | | 2008 | 2010 |
| I | Ngân hàng | | |
| 1 | Ngân hàng thương mại | | |
| A | Ngân hàng thương mại Nhà nước | 3.000 tỷ đồng | 3.000 tỷ đồng |
| B | Ngân hàng thương mại cổ phần | 1.000 tỷ đồng | 3.000 tỷ đồng |
| C | Ngân hàng liên doanh | 1.000 tỷ đồng | 3.000 tỷ đồng |
| D | Ngân hàng 100% vốn nước ngoài | 1.000 tỷ đồng | 3.000 tỷ đồng |
| Đ | Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài | 15 triệu USD | 15 triệu USD |
| 2 | Ngân hàng chính sách | 5.000 tỷ đồng | 5.000 tỷ đồng |
| 3 | Ngân hàng đầu tư | 3.000 tỷ đồng | 3.000 tỷ đồng |
| 4 | Ngân hàng phát triển | 5.000 tỷ đồng | 5.000 tỷ đồng |
| 5 | Ngân hàng hợp tác | 1.000 tỷ đồng | 3.000 tỷ đồng |
| 6 | Quỹ tín dụng nhân dân | | |
| A | Quỹ tín dụng nhân dân TW | 1.000 tỷ đồng | 3.000 tỷ đồng |
| B | Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở | 0,1 tỷ đồng | 0,1 tỷ đồng |
| II | Tổ chức tín dụng phi ngân hàng | | |
| 1 | Công ty tài chính | 300 tỷ đồng | 500 tỷ đồng |
| 2 | Công ty cho thuê tài chính | 100 tỷ đồng | 150 tỷ đồng |

Bảng 2: Tăng vốn điều lệ ở một số ngân hàng

| STT | Tên ngân hàng | 31/12/2007 | 05/2008 | Mục tiêu 2008 | Mục tiêu trong các năm tới |
|-----|---------------------------------------|------------|--------------|---------------|----------------------------|
| 1 | NHTMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) | 4448.8 | 4448.8 | 6493 | |
| 2 | NHTMCP Đông Á (Đông Á Bank) | 1600 | 1600 | 3000 | |
| 3 | NHTMCP Xuất nhập khẩu VN (Eximbank) | 2800 | 2800 | 7380 | |
| 4 | NHTMCP Nam Á (Nam Á Bank) | 575.9 | 1252.837 | - | 3000 (2010) |
| 5 | NHTMCP Á Châu (ACB) | 2630 | 2630 | 6.355 | 8000 (2010) |
| 6 | NHTMCP Quân Đội (MB) | 2000 | 2000 | 3400 | 7300 (2010) |
| 7 | NH Đông Nam Á (SeABank) | 3000 | 3000 | - | 5000 (2010) |
| 8 | NHTMCP Phát triển Nhà TP HCM (HDBank) | 500 | 1000 | 2000 | 3000 (2009) |
| 9 | NHTMCP Gia Định (GiaDinh Bank) | 444.6 | 500 | - | |
| 10 | NHTMCP Đệ Nhất (FCB) | 300 | 609.6 | 1000 | |
| 11 | NHTMCP Phương Đông (OCB) | 1111.1 | 1111.1 | 1000 | |
| 12 | NHTMCP Sài Gòn (SCB) | 1970 | 1970 | 3400 | |
| 13 | NHTMCP An Bình (ABBank) | 2300 | 2138 | - | |
| 14 | NHTMCP Nam Việt (Navibank) | 500 | 1.000 | - | |
| 15 | NHTMCP Xăng Dầu Petrolimex (PG Bank) | 500 | 500 | 1000 | 3000 (2008-2012) |
| 16 | NHTMCP Miền Tây (Western Bank) | 200 | 1000 | - | |
| 17 | NHTMCP Đại Á (DaiABank) | 500 | 500 | 1700 | |
| 18 | Liên Việt** | - | 3300 | - | 6300(2010) |
| 19 | Tiên Phong** | - | 1000 | - | - |
| 20 | NHTMCP Ngoại thương Việt Nam** | - | 12101 | | |
| 21 | Ngân hàng công thương | | 1.020 | | |
| 22 | Ngân hàng liên doanh Lào Việt | | 15 triệu USD | | |

** Mới thành lập năm 2008

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

(Nguồn: tổng hợp từ các báo Sài Gòn Giải Phóng, Thanh Niên và Tạp chí công nghệ ngân hàng [12])

điều lệ cho phù hợp với quy định trên (xem Bảng 2). Vậy, đối với tập đoàn tài chính ngân hàng thì con số này phải là bao nhiêu mới là phù hợp?

Rõ ràng, với quy mô của một tập đoàn tài chính ngân hàng thì số vốn pháp định không thể chỉ bằng với mức của từng loại Tổ chức tín dụng nêu trong Nghị định 141 hay tương đương mức vốn điều lệ hiện nay của các ngân hàng như được liệt kê trong Bảng 2. Có thể tham khảo về trường hợp của Sacombank như là một ví dụ. Tại TP.HCM, ngày 16-5-2008, Tập đoàn tài chính Sacombank đã chính thức ra đời với mức vốn điều lệ là 5.200 tỷ đồng, tổng tài sản là 79.915 tỷ đồng và đội ngũ nhân sự hơn 6.500 người (tính đến hết quý 1/2008) [3]. Vốn điều lệ đến cuối năm 2008 dự kiến đạt 6.048,7 tỷ đồng [4]. Việc quy định mức vốn pháp định cho tập đoàn tài chính ngân hàng một cách phù hợp sẽ giúp cho các tập đoàn có đủ năng lực tài chính để tham gia vào thị trường tiền tệ và tài chính quốc tế.

Mô hình cho tập đoàn tài chính ngân hàng ở Việt Nam

Không có mô hình chung cho tất cả các tập đoàn. Tuy nhiên, một tập đoàn kinh tế thường thỏa mãn một số điều kiện tối thiểu chung. Chẳng hạn, đã là tập đoàn kinh tế thì phải kinh doanh đa ngành và đa sở hữu. Về kinh doanh đa ngành thì hiện nay chúng ta thấy là Việt Nam đang theo xu hướng này. Hiện nay, có ít nhất 26 tập đoàn kinh tế và tổng công ty đầu tư vào các lĩnh vực nóng như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản với tổng số tiền lên tới hơn 15.000 tỷ đồng (tính đến hết năm 2007) [7]. Tập đoàn Kinh Đô sẽ kinh doanh đa ngành nghề với cơ cấu đầu tư là 70% vào thực phẩm, 30% đầu tư vào bất động sản, tài chính, chứng khoán, ngân hàng [8]. Tập đoàn kinh tế Mai Linh hiện với khoảng 100 đơn vị thành viên,

hoạt động trên 8 lĩnh vực gồm: vận tải, du lịch, thương mại, đào tạo, tư vấn quản lý, xây dựng, địa ốc, tài chính, truyền thông và công nghệ thông tin [2].

Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bảo Việt sẽ là tập đoàn tài chính bảo hiểm của Việt Nam kinh doanh đa ngành, trong đó chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm, ngân hàng và đầu tư tài chính. Sau khi thành lập tập đoàn, Bảo Việt dự định sẽ thành lập mới ngân hàng cổ phần Bảo Việt, công ty bất động sản & công ty bảo hiểm y tế cộng đồng Bảo Việt & dự kiến Bảo Việt sẽ nắm giữ 50% vốn điều lệ của ngân hàng này [9]. Ngày 2-12-2005 Tập đoàn Dệt May Việt Nam ra đời và được phép kinh doanh cả trong lĩnh vực tài chính như hoạt động trung gian tài chính, đầu tư tài chính, dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm. Các tập đoàn vừa được nêu đều đầu tư vào lĩnh vực tài chính ngân hàng bên cạnh những lĩnh vực khác. Và thông thường các yếu tố như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản thường liên quan mật thiết với nhau. Chính vì vậy, yếu tố đa ngành của tập đoàn tài chính ngân hàng cũng khá là phong phú.

Về yếu tố đa sở hữu, đối với các tập đoàn kinh tế tư nhân thì điều này có thể không cần phải bàn cãi nhiều. Nhưng với các tập đoàn kinh tế thành lập theo quyết định của Chính phủ thì thực chất chỉ là sự chuyển đổi từ các tổng công ty 90 và 91 sang. Như vậy, về thực chất các tập đoàn kinh tế đó lại chỉ là thuộc về một người chủ duy nhất. Chúng ta thường nghe mọi người gọi loại tập đoàn này là tập đoàn Nhà nước. Trong điều lệ hoạt động, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có quyền sử dụng và quản lý các tài sản của Nhà nước giao nhưng Chính phủ lại thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với EVN.

Trên thế giới, có nhiều mô hình tập đoàn kinh tế để ta tham

khảo như sau:

Cartel, Syndicate, Trust, Consortium, Conglomerate, Concern, Chaebol, Keiretsu, tập đoàn đa quốc gia, tập đoàn xuyên quốc gia.

Cartel: là loại tập đoàn kinh doanh của các công ty trong một ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cùng ký kết hợp đồng với nhau hoặc thỏa thuận kinh tế nhằm mục đích cạnh tranh.

Syndicate: thực chất là một dạng đặc biệt của Cartel, có một văn phòng thương mại chung được thành lập do một ban quản trị chung điều hành và tất cả các công ty phải tiêu thụ hàng hóa thông qua kênh của văn phòng này. Các Cty thành viên độc lập về pháp lý nhưng không độc lập về thương mại, đây là loại liên minh độc quyền cao hơn, ổn định hơn so với Cartel.

Trust: xuất phát là hình thức Trust ở Mỹ, là một liên minh độc quyền các tổ chức sản xuất kinh doanh do một ban quản trị thống nhất điều khiển. Các doanh nghiệp bị mất quyền độc lập về sản xuất thương mại, họ chỉ là những cổ đông của công ty. Ví dụ, Tập đoàn General Motor là một Trust.

Consortium: là hình thức mô hình công ty mẹ đầu tư vào các công ty con, nhằm tạo thế lực tài chính mạnh để kinh doanh.

Trong Conglomerate, các công ty thành viên ít có mối quan hệ công nghệ sản xuất với nhau mà chủ yếu quan hệ về hành chính và tài chính. Tập đoàn này thực chất là một tổ chức tài chính đầu tư vào các công ty kinh doanh để tạo ra một tổ hợp doanh nghiệp tài chính - công nghiệp để hỗ trợ vốn cho các công ty thành viên hoạt động có hiệu quả

Keiretsu là một phương thức kinh doanh mang đậm nét đặc trưng kiểu Nhật. Keiretsu là một cấu trúc kinh doanh hình kim tự tháp được bắt đầu từ Nhật Bản, với một nhà sản xuất lớn tại vị trí đỉnh chóp và liên kết tới các nhà sản xuất linh kiện bên dưới nó [5]. Keiretsu là mô hình tập đoàn kinh tế lấy ngân hàng làm trung tâm và mở rộng ra bằng các công ty con hoạt động đa ngành vây quanh [2].

Concern là một tập đoàn không có tư cách pháp nhân. Các công ty thành viên giữ nguyên tính độc lập về mặt pháp lý, mối quan hệ giữa các công ty thành viên trên cơ sở những thỏa thuận về lợi ích chung như phát minh sáng chế, nghiên cứu khoa học công nghệ, hợp tác sản xuất và có hệ thống tài chính chung. Trong Concern thường có một "Holding company" giữ vai trò như "công ty mẹ" điều hành hoạt động chung, thực chất nó là một công ty cổ phần nắm giữ cổ phần đóng góp của các công ty thành viên.

Các Chaebol là mô hình đặc trưng của Hàn Quốc, mang tính chất là tập đoàn của đại gia đình, theo kiểu gia tộc. Các Chaebol khuyến khích các công ty con mua cổ phần của nhau nhằm ngăn cản sự tham gia của nhà đầu tư bên ngoài, Chủ tịch Chaebol thường là chủ tịch của một công ty con nổi bật nhất tập đoàn.

Tập đoàn đa quốc gia là tập đoàn có vốn của các chủ thể ở nhiều quốc gia khác nhau.

Tập đoàn xuyên quốc gia là tập đoàn mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh qua nhiều quốc gia khác nhau.

Trong các mô hình trên thì Concern và Consortium là hình thức tổ chức tập đoàn phổ biến hiện nay. Còn các Cartel, Syndicate thường dẫn đến độc quyền nên Chính phủ nhiều nước ngăn cấm hoặc hạn chế những hình thức tập đoàn này, vì các liên kết này tạo ra xu hướng độc quyền, đi ngược lại nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường. Chaebol thì mang tính chất gia đình trị không phù hợp với tính chất đa sở hữu mà chúng ta đang hướng tới. Chính vì vậy, chúng ta không thể áp dụng các mô hình đó cho tập đoàn kinh tế nói chung và tập đoàn tài chính ngân hàng nói riêng tại Việt Nam.

Concern thì có những đặc điểm giống như các điều mà Nghị định 139 của Việt Nam đề cập: không có tư cách pháp nhân, các công ty thành viên giữ nguyên tính độc lập về mặt pháp lý. Nghiên cứu mô hình

phát triển tương lai của Tập đoàn Sacombank, chúng ta thấy Tập đoàn tài chính Sacombank dường như đang đi theo mô hình Concern. Tức là giai đoạn 1 từ 2008 đến 2010, hình thành Tập đoàn tài chính Sacombank theo mô hình nhất nguyên, tức là các thành viên trong tập đoàn hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, trong đó Sacombank là công ty mẹ; giai đoạn 2 từ năm 2011 trở đi, nghiên cứu chuyển mô hình hoạt động của tập đoàn theo mô hình Holdings, tức có một công ty sở hữu ngân hàng là công ty mẹ đầu tư vốn vào các công ty thành viên là các công ty con hoặc công ty liên kết được thành lập dưới các hình thức pháp lý khác nhau, hoạt động trong những lĩnh vực khác nhau [4].

Từ việc tham khảo các mô hình trên, chúng ta hy vọng rằng mô hình Concern, Consortium, Conglomerate, Keiretsu nếu được áp dụng cho các tập đoàn kinh tế, tập đoàn tài chính ngân hàng của Việt Nam thì sẽ phù hợp. Khi đã lựa chọn được mô hình thích hợp cho tập đoàn tài chính ngân hàng thì yếu tố đa quốc gia hay xuyên quốc gia thật ra chỉ còn là vấn đề thời gian.

Tóm lại, việc xuất hiện các tập đoàn tài chính ngân hàng là một xu thế tất yếu. Công việc của chúng ta là cần phải tạo hành lang pháp lý để

chúng hoạt động có hiệu quả. Khi hoạt động hiệu quả, những tập đoàn tài chính - ngân hàng này sẽ có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Do đó, một mô hình hay quy định thích hợp sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng phát triển. Việc quy định rõ thế nào là tập đoàn tài chính ngân hàng, quy mô vốn, có hay không có tư cách pháp nhân và những mô hình nào phù hợp sẽ góp phần dần dần hình thành khung pháp lý cho tập đoàn tài chính ngân hàng Việt Nam trong thời gian tới ■

Tài liệu tham khảo:

1. Vân Anh, "Chấn chỉnh tập đoàn bằng biện pháp hành chính lẫn kinh tế", <http://www.vietnamnet.vn>, 29-5-2008.
2. Lê Thị Ngọc Diệp, "Lạm bàn về tập đoàn kinh tế", *Tạp chí Công nghệ ngân hàng số 21*, 12-2007.
3. Minh Đức, "Ra mắt tập đoàn tài chính tư nhân đầu tiên tại Việt Nam", vneconomy.vn, 16-5-2008.
4. N.Hương, "Sacombank hướng đến tập đoàn tài chính", <http://www.doanhnghiep24g.com.vn>, 20-3-2008.



5. Trần Long, “Keiretsu sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại”, <http://www.qdnd.vn>, 27-4-2007.
6. “Chính phủ quy định điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN”, <http://www.hanoimoi.com.vn>, 25-10-2007.
7. Cẩm Thủy - Thanh Hà, “Sẽ giám sát đầu tư của các tập đoàn, doanh nghiệp Nhà nước”, <http://www.na.gov.vn/htx/Vietnamese/default.asp?Newid=19128>
8. Thời báo ngân hàng 22-12-2007.
9. VietNamNet, 18-1-2006.
10. Thùy Vinh, “Cuộc chiến...ngân hàng!”, vir.com.vn, 11-1-2008.
11. “Phải báo cáo trước khi đầu tư tài chính - chứng khoán - ngân hàng”, theo Người lao động, <http://www.vnmedia.vn>, ngày 8-6-2008.
12. Thùy Dung, “Vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại cổ phần 2006-2008”, tạp chí Công nghệ ngân hàng số tháng 6-2008.

Sao lại bỏ quên một phương tiện thanh toán...

(tiếp theo trang 25)

với Ngân hàng ACB thông qua hệ thanh toán bù trừ giữa hai ngân hàng. Đương nhiên ông A và ông B đều phải trả cho ngân hàng phục vụ mình một khoản phí nhất định cho dịch vụ thanh toán mà mình nhận được từ ngân hàng.

Tiện ích của séc ngân hàng

Sử dụng séc ngân hàng trong thanh toán rõ ràng mang lại nhiều tiện ích cho xã hội nói chung và cho các bên tham gia thanh toán nói riêng. Với xã hội, séc ngân hàng có thể thanh toán thay cho tiền mặt nhờ vậy giúp tiết kiệm được chi phí liên quan đến in ấn tiền mặt. Về phía bên mua, séc ngân hàng giúp bên mua tiết kiệm được chi phí giao dịch tiền mặt như chi phí kiểm đếm, vận chuyển và bảo quản tiền từ ngân hàng bên mua đến nơi thanh toán. Về phía bên bán, sử dụng séc ngân hàng giúp bên bán tiết kiệm được chi phí kiểm đếm, vận chuyển, bảo quản và vận chuyển tiền từ nơi nhận thanh toán đến ngân hàng bên bán.

Sự an toàn khi sử dụng séc ngân hàng

Ngoài những tiện ích như vừa phân tích trên đây, sử dụng séc ngân hàng còn mang lại sự an toàn gần như tuyệt đối cho cả hai bên mua và bán. Đối với bên mua, nhờ sử dụng séc ngân hàng mà không cần phải đến ngân hàng rút tiền mặt và vận chuyển đến nơi thanh toán nên hoàn toàn có thể tránh được tình trạng cướp giật, rơi rớt đếm thiếu hoặc bị từ chối do nhận phải tiền giả hay tiền rách nát. Đối với bên bán, do nhận tờ séc thanh toán thay vì nhận tiền mặt nên cũng tránh được cướp giật, rơi rớt, đếm thiếu hoặc bị từ chối do nhận phải tiền giả hay tiền rách nát. Mặt khác, séc ngân hàng là séc thanh toán do ngân hàng, chứ không phải bên mua, phát hành và cam kết chi trả cho bên bán nên

khả năng thanh toán hầu như được đảm bảo chắc chắn. Điều này mang lại sự an toàn gần như tuyệt đối cho bên bán. Ngoài ra, séc ngân hàng thường là séc ký danh nên trong trường hợp tờ séc bị thất lạc hoặc mất cắp kẻ gian cũng không thể lợi dụng để chiếm đoạt số tiền thanh toán.

Làm thế nào để khuyến khích khách hàng sử dụng séc ngân hàng?

Với những tiện ích và an toàn như vừa chỉ ra trên đây thiết nghĩ séc ngân hàng nên được sử dụng rộng rãi như là một phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Thế nhưng thực tế cho thấy rằng khách hàng ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa có thói quen sử dụng loại séc này mà vẫn thường xuyên đến ngân hàng rút tiền mặt và vận chuyển đến nơi thanh toán vừa bất tiện vừa thiếu an toàn. Kẻ gian và bọn cướp giật vì thế mà rình rập chờ cơ hội ra tay.

Trao đổi với một số nhà quản lý ngân hàng hiện nay, đa số đều thừa nhận sở dĩ khách hàng thường sử dụng tiền mặt trong thanh toán thay vì sử dụng séc ngân hàng là do thói quen và do thiếu hiểu biết về cách thức sử dụng séc ngân hàng. Nếu đúng vậy thì việc tiếp thị, quảng bá sản phẩm và kỹ năng bán hàng của các ngân hàng hiện nay có vấn đề vì chưa đủ sức để làm thay đổi hành vi và kích thích nhu cầu sử dụng của khách hàng đối với một dịch vụ ngân hàng mà những tiện ích của nó đã quá rõ ràng. Đây cũng là mấu chốt của vấn đề cần tháo gỡ để khuyến khích khách hàng tiếp cận và sử dụng ngày càng phổ biến hơn séc ngân hàng như là phương tiện thanh toán tiện lợi và an toàn ■